

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TỰ ĐỘNG THỦ HỮU

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số :53 Ngày 01 tháng 08 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LƯƠNG
2. Mã đơn vị: 1122108
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 060300955552 NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP.HCM
- I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương, phụ cấp Tháng 8 năm 2024

STT	HỌ VÀ TÊN	Tài khoản ngân hàng	Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương	Lương và phụ cấp theo lương					Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền khoản		Ghi chú
					Lương, PCCV, PCV K	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp thâm niên nghề		Khoản điện thoại	Khoản công tác phí	
(1)	(2)		(4)	(5)						(6)	(10)		(12)
	Tổng số		533.051.750	500.477.350	337.245.129	468.000	122.415.930	468.000	39.880.291	31.074.400	1.000.000	500.000	
I	Đối với công chức, viên chức		501.977.350	500.477.350	337.245.129	468.000	122.415.930	468.000	39.880.291	0	1.000.000	500.000	
1	Chau Thị Hương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	19.155.945	18.855.945	11.560.536		4.520.880		2.774.529		300.000		
2	Đặng Thị Tuyết Mai	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	19.875.769	19.675.769	12.063.168		4.717.440		2.895.161		200.000		
3	Nguyễn Thị Thuỳ	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	18.714.351	18.514.351	11.351.106		4.438.980		2.724.265		200.000		
4	Phan Thị Kim Chi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.940.487	17.940.487	10.932.246		4.275.180		2.733.061				
5	Trần Kim Gia Bách	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	13.203.427	13.203.427	8.796.060		3.439.800		967.567				
6	Nguyễn Thị Kim Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.134.578	12.134.578	8.083.998		3.161.340		889.240				
7	Nguyễn Thị Thanh Thuỳ	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	10.538.171	10.538.171	6.974.019		2.727.270		836.882				



8	Nguyễn Thị Phương Oanh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.525.329	9.525.329	6.345.729		2.481.570		698.030			
9	Ngô Hoàng Thị Mỹ Tú	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	18.670.890	18.670.890	10.848.474		4.242.420		3.579.996			
10	Nguyễn Thị Cẩm Vân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.842.763	14.842.763	9.508.122		3.718.260		1.616.381			
11	Nguyễn Vũ Minh Hoàng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	11.202.741	11.202.741	7.413.822		2.899.260		889.659			
12	Dương Thị Mỹ Tiên	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
13	Hà Hoàng Thu Trâm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
14	Nguyễn Thu Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		536.141			Tặng PCTN
15	Nguyễn Thị Ngọc Hân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.858.701	9.858.701	6.701.760		2.620.800					Tặng PCTN
16	Lê Trần Nguyễn Ngọc Châu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
17	Huỳnh Khánh Thy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
19	Lưu Lê Thu Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
20	Ngô Thị Phương Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.379.895	8.379.895	5.696.496		2.227.680		455.719			Tặng PCTN
21	Nguyễn Hải Sơn	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
22	Võ Đăng Khoa	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900		2.457.000		502.632			Tặng PCTN
23	Võ Hoài Phương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900		2.457.000		439.803			
24	Trương Thành Phát	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.858.701	9.858.701	6.701.760		2.620.800		536.141			Thai sản tặng lại
25	Phan Phương Trúc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781		2.186.730		391.425			
26	Đoàn Thị Thơm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781		2.186.730		391.425			
27	Nguyễn Thị Diễm My	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781		2.186.730		391.425			
28	Đặng Thị Quỳnh Hương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781		2.186.730		391.425			

[illegible]

50	Phan Thị Thanh Bình	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.490.920	8.377.200	3.276.000	837.720			Tăng mới
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		-					-	
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.		-					-	
IV	Thanh toán cá nhân khác		31.074.400					31.074.400	
1	Lý Thắng Huân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	
2	Lê Ngọc Ân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	
3	Lê Thị Thu Tâm Em	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	
4	Phạm Kim Vân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	
5	Đỗ Như Sức	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	
6	Dương Xuân Mạnh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	
7	Mai Thị Mỹ Nhung	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.439.200					4.439.200	

Tổng số tiền bằng chữ: Năm trăm ba triệu không trăm năm mươi một ngàn bảy trăm năm mươi đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng 7/2024: Tăng 19.163.571 đồng

Ngày 01 tháng 08 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Thủ trưởng
ĐOÀN & T.P. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LƯƠNG
CHU THỊ
Đ. B. NH. DAN
Đ. B. NH. DAN

Đỗ Kim Hoa

Đỗ Kim Hoa

Chu Thị Hương

Số: 12NS-09

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số : 12NS- 09 Ngày 01 tháng 08 năm 2024)

Tài khoản tiền gửi ☐

- I. Nội dung đề nghị thanh toán: Hỗ trợ nhân viên y tế tháng 7 năm 2024**

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ngàn đồng

- Ngày 01 tháng 08 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Chú Thị Hương

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số: 56 Ngày 14 tháng 08 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LUÔNG**
2. Mã đơn vị: **1122108**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 060300955552 NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP.HCM
I. Nội dung đề nghị thanh toán: Truy lĩnh tiền lương, phụ cấp tháng 8/2024

STT	HỌ VÀ TÊN	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó		Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền khoản	
						Khoản điện thoại	
						10.1	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(10)	(12)
	Tổng số			2.019.534	2.019.534	0	
I	Đối với công chức, viên chức			2.019.534	2.019.534	0	
1	Nguyễn Thị Ngọc Hân	060107457995	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.009.767	1.009.767		Tăng HSL
2	Lê Trần Nguyễn Ngọc Châu	060107458487	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.009.767	1.009.767		Tăng HSL
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			0	0	0	
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.			0	0	0	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng.

- II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước : Tăng 2.019.534 đồng (Tăng 02 trường hợp nâng lương niên hạn)**

Người lập

Đỗ Kim Hoa

Kế toán trưởng

Đỗ Kim Hoa

Ngày 14 tháng 08 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Chu Thị Hương

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số 14NS - 04 Ngày 20 tháng 08 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LUÔNG**
2. Mã đơn vị: **1122108**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 060300955552 NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP.HCM

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị Quyết 08/2023 /NQ-HĐND ngày 19/09/2023 cho CB-GV-CNV Quý 2/2024.

STT	HỌ VÀ TÊN	Tài khoản ngân hàng	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
		Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền thu nhập tăng thêm	
(1)	(2)		(4)	(5)	(7)	(12)
	Tổng số		890.498.057		890.498.057	
I	Đối với công chức, viên chức		890.498.057		890.498.057	
1	Chu Thị Hương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	40.240.800		40.240.800	HTXS
2	Đặng Thị Tuyết Mai	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	45.100.800		45.100.800	HTXS
3	Nguyễn Thị Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	40.243.500		40.243.500	HTXS
4	Phan Thị Kim Chi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	33.473.250		33.473.250	HTXS
5	Trần Kim Gia Bách	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	26.365.500		26.365.500	HTXS
6	Nguyễn Thị Kim Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	20.844.000		20.844.000	HTXS
7	Nguyễn Thị Thanh Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.982.000		17.982.000	HTXS
8	Nguyễn Thị Phương Oanh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.362.000		16.362.000	HTXS
9	Ngô Hoàng Thị Mỹ Tú	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	27.306.000		27.306.000	HTXS
10	Nguyễn Thị Cẩm Vân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	24.516.000		24.516.000	HTXS
11	Nguyễn Vũ Minh Hoàng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	21.784.275		21.784.275	HTXS
12	Dương Thị Mỹ Tiên	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.200.000		16.200.000	HTXS
13	Hà Hoàng Thu Trâm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.415.000		17.415.000	HTXS

14	Nguyễn Thu Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.200.000		16.200.000	HTXS
15	Nguyễn Thị Ngọc Hân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	18.802.286		18.802.286	HTXS
16	Lê Trần Nguyễn Ngọc Châu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	19.237.500		19.237.500	HTXS
17	Huỳnh Khánh Thy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	15.693.750		15.693.750	HTXS
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.200.000		16.200.000	HTXS
19	Lưu Lê Thu Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.200.000		16.200.000	HTXS
20	Ngô Thị Phượng Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.382.000		14.382.000	HTXS
21	Nguyễn Hải Sơn	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.010.000		17.010.000	HTXS
22	Võ Đăng Khoa	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.560.714		14.560.714	HTXS
23	Võ Hoài Phương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.200.000		16.200.000	HTXS
24	Trương Thành Phát	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	18.596.571		18.596.571	HTXS
25	Đoàn Thị Thơm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.418.000		14.418.000	HTXS
26	Nguyễn Thị Diễm My	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.418.000		14.418.000	HTXS
27	Đặng Thị Quỳnh Hương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	11.534.400		11.534.400	HTT
28	Nguyễn Hoàng Khiêm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	10.985.143		10.985.143	HTT
29	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.418.000		14.418.000	HTXS
30	Trần Kiều Trang	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.636.000		12.636.000	HTXS
31	Trần Thị Phượng Nhi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	16.941.150		16.941.150	HTXS
32	Đỗ Thanh Trân Châu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.636.000		12.636.000	HTXS
33	Quan Ái Thu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.670.632		17.670.632	HTXS
34	Trần Nữ Kim Huê	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.951.900		12.951.900	HTXS
35	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.636.000		12.636.000	HTXS
36	Thái Thị Thanh Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	19.750.500		19.750.500	HTXS
37	Đinh Thị Hồng Linh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.636.000		12.636.000	HTXS
38	Nguyễn Thị Ngọc Phương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	28.944.000		28.944.000	HTXS
39	Nguyễn Thanh Phương Quỳnh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.636.000		12.636.000	HTXS
40	Nguyễn Thị Kim Ngân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.982.000		17.982.000	HTXS
41	Mai Lê Kiều Khanh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.418.000		14.418.000	HTXS
42	Hà Thái Hùng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.236.400		12.236.400	HTT

43	Phạm Thanh Minh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	25.110.000		25.110.000	HTXS
44	Lê Thị Thùy Trang	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	15.814.286		15.814.286	HTXS
45	Dương Thị Linh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	12.636.000		12.636.000	HTXS
46	Đỗ Kim Hoa	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	21.358.800		21.358.800	HTXS
47	Nguyễn Hồng Thắm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.814.900		14.814.900	HTXS
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP					
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng					

Tổng số tiền bằng chữ: *Tám trăm chín mươi triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn không trăm năm mươi bảy đồng*

II. Phần thuyết minh thay đổi so với quý 1/2024 : Giảm 310.264.759 đồng (do giảm 761 ngày làm việc thực tế)

Ngày 20 tháng 08 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Kim Hoa



Đỗ Kim Hoa



*Chu Thị Hương



